

Bản án số: 158/2026/DS -ST

Ngày: 02/4/2026

*V/v Tranh chấp đòi tài sản*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - HÀ NỘI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Duy Trí

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đăng Bôi và bà Đỗ Thị Kim Vân;

*Thư ký ghi biên bản phiên toà:* Bà Nguyễn Thanh Thủy – Thư ký toà án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội tham gia phiên toà:* Bà Phạm Thúy Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 02/4/2026, tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 548/2025/TLST-DS ngày 15/12/2025 về việc “*Tranh chấp đòi tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2026/QĐXXST-DS ngày 20/03/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Ngô Thị Y**, sinh năm 1971; CCCD số:01717100xxxx; HKTT và chỗ ở: Phòng 408 nhà số E, ngõ F đường G, phường T, thành phố Hà Nội. (Có mặt)

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Xuân V**, sinh năm 1963; và bà **Nghiêm Thị P**, sinh năm 1965; HKTT và chỗ ở: Thôn C, xã T, thành phố Hà Nội. (Có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên toà nguyên đơn trình bày:*

Ngày 19/09/2016, Tôi có ký hợp đồng cung cấp thức ăn chăn nuôi cho ông Nguyễn Xuân V và bà Nghiêm Thị P. Thời hạn thanh toán là đến khi thu hoạch sản phẩm chăn nuôi hoặc tối đa là 120 ngày kể từ ngày cấp cám đầu tiên. Tuy nhiên đã qua thời hạn thanh toán mà ông Nguyễn Xuân V và bà Nghiêm Thị P đã không thực hiện điều khoản thanh toán của hợp đồng. Ngày 10/02/2017, T đã dừng không cung cấp thức ăn và yêu cầu thanh toán số tiền nợ.

Tôi đã nhiều lần đến nhà để yêu cầu thanh toán nhưng ông V cứ khất lần mãi không trả. Ngày 07/02/2017 ông V hứa sang tháng 3 trả tiền cho Tôi, nếu không trả được thì sẽ trả lãi suất bằng 150% lãi suất cho vay của ngân hàng C. Nhưng đến ngày 01/07/2017 mới trả 38,000,000 đồng và ngày 14/01/2019 trả được 200,000 đồng. Tổng số Tiền nợ gốc còn lại: 73,947,470 đồng. Nay tôi đề nghị về khoản lãi theo mốc thời gian ông V, bà Phước phải trả như sau:

Lãi phải trả từ tháng 2 đến tháng 7 năm 2017: Gốc là  $112.147.470 \times 1\% \times 5$  (tháng) = 5.607.374 đồng; Lãi chậm trả từ tháng 8/2017 đến 31/03/2026: Gốc  $73.947.470 \times 1\% \times 106$  tháng = 78.384.318 đồng. Tổng lãi phải trả là: 83.991.692 đồng.

Đến nay đã gần 6 năm mà ông V và bà P vẫn chưa trả tiền cho Tôi. Việc trì hoãn này đã gây cho tôi rất nhiều khó khăn trong công việc kinh doanh và thiệt hại về kinh tế mất đi nhiều cơ hội kinh doanh khác và tốn kém nhiều thời gian, công sức và chi phí đi lại để đòi nợ.

Vậy nay, tôi làm đơn này đề nghị Tòa buộc ông V, bà P phải trả tôi tổng số tiền còn nợ gốc và lãi tính đến ngày 31/03/2026, là: Gốc 73,947,470 đồng + lãi 83.991.692 đồng = 157.939.162 đồng. *Bằng chữ: Một trăm năm mươi bảy triệu, chín trăm ba mươi chín nghìn, một trăm sáu mươi hai đồng.* Ngoài ra tôi không có ý kiến gì khác.

Về án phí: Đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

*\* Bị đơn:* Ngày 31/12/2025, ông V trình bày: Vợ chồng tôi có trang trại chăn nuôi vịt, cá và có mua cám nuôi vịt của bà Y vào những năm 2016 - 2017 như bà khai là đúng. Quá trình chăn nuôi gặp dịch cúm năm 2017 bị thua lỗ do vậy tôi dừng chăn nuôi, việc lấy cám của bà Y nhưng còn nợ một số tiền cám của bà Y. Tổng số tiền bao nhiêu hiện tại tôi còn thu thập tài liệu, chứng từ và gặp trực tiếp bà Y để đối chiếu cụ thể. Tôi xin sao chụp toàn bộ hồ sơ để đối chiếu và có quan điểm sau.

Ngày 06/01/2026, tại phiên công khai chứng cứ và hòa giải quan điểm ông V do làm ăn không thuận lợi nên xin được trả gốc 73.947.470 đồng và xin tiền lãi. Đồng thời xin được trả dần.

Tại phiên tòa, nguyên đơn; bị đơn (ông V) đều có mặt nhưng vẫn giữ nguyên quan điểm như đã đề nghị do vậy việc hòa giải không thành. Lý do, bà Y cho rằng việc ông V xin trả gốc nhưng trả dần và xin tiền lãi bà không nhất trí, vì nhiều năm nay bà đi lại đòi nợ rất nhiều lần nhưng ông V, bà P đều hứa như trên nhưng không có ý thức trả nợ. Còn về khoản lãi suất bà cũng chỉ đề nghị tính lãi 1% như tiền vay của Ngân hàng mà không áp dụng tính mức lãi suất như ông V cam kết.

\* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật Tổ tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng.

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký:

a) Về thẩm phán: Thẩm phán thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc gửi thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu đương sự nộp tài liệu chứng cứ, tiến hành thu thập chứng cứ. Thực hiện đầy đủ quá trình thông báo, tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại chương X - BLTTDS năm 2015.

b) Về Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng thành phần, thẩm phán và hội đồng xét xử xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật theo quy định tại điều 11, 12, 14, 15 BLTTDS và thực hiện tốt các quy định của BLTTDS về thủ tục bắt đầu phiên tòa cũng như thủ tục hỏi tại phiên tòa, công bố các tài liệu chứng cứ theo quy định tại các Mục 2,3,4.

c) Về thư ký: Thư ký Tòa án đã thực hiện đầy đủ công tác chuẩn bị phiên tòa, phổ biến nội quy phiên tòa, báo cáo Hội đồng xét xử danh sách những người được triệu tập đến T2, sự có mặt, vắng mặt của đương sự, ghi đầy đủ bút ký phiên tòa.

2. Về chấp hành pháp luật của đương sự và những người tham gia tố tụng khác:

a) Đối với nguyên đơn; bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 146 BLTTDS từ khi gửi đơn khởi kiện, nộp tạm ứng án phí, cung cấp tài liệu, chứng cứ cho T1 án và có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

3. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án và quan điểm của nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa, sau khi đánh giá và phân tích về nội dung vụ án, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp đòi tài sản giữa nguyên đơn bà Ngô Thị Y và bị đơn ông Nguyễn Xuân V và bà Nghiêm Thị P.

Buộc ông Nguyễn Xuân V và bà Nghiêm Thị P có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị Y số tiền gốc, lãi tính đến ngày 31/03/2026, tổng số tiền là: 157.939.162 đồng. *Bằng chữ: Một trăm năm mươi bảy triệu, chín trăm ba mươi chín nghìn, một trăm sáu mươi hai đồng.* Trong đó (Tiền gốc là 73,947,470 đồng + 83.991.692 đồng tiền lãi).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu ông V, bà P không thi hành thì kể từ ngày bà Y có đơn yêu cầu thi hành án thì ông V, bà P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Ông Nguyễn Xuân V và bà Nghiêm Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:*

*Về thẩm quyền:* Căn cứ Hợp đồng cung cấp thức ăn chăn nuôi, phiếu giao hàng, bảng đối chiếu công nợ và giấy cam kết trả nợ kèm trả lãi được ký kết giữa các bên và do bị đơn hiện trú tại Thôn C, xã T, thành phố Hà Nội nên việc Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội thụ lý quan hệ tranh chấp phát sinh là quan hệ dân sự là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26 và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

*Về tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn đều có mặt do vậy Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, các tài liệu chứng cứ đã thu thập và qua lời trình bày của các bên đương sự thì thấy: Ngày 19/09/2016, bà Ngô Thị Y phụ trách cửa hàng thức ăn chăn nuôi (T, T) có ký hợp đồng cung cấp thức ăn chăn nuôi số 01/2016 với vợ, chồng ông Nguyễn Xuân V và bà Nghiêm Thị P (cắm nuôi vịt và cá...). Thời hạn thanh toán là đến khi thu hoạch sản phẩm chăn nuôi hoặc tối đa là 120 ngày kể từ ngày cấp cám đầu tiên. Tuy nhiên đã qua thời hạn thanh toán mà ông Nguyễn Xuân V và bà Nghiêm Thị P đã không thực hiện điều khoản thanh toán của hợp đồng. Ngày 10/02/2017, bà Y đã dừng không cung cấp thức ăn và yêu cầu thanh toán số tiền nợ, nhưng từ đó đến nay bên bị đơn chỉ trả nợ một phần rồi chốt nợ và ghi giấy biên nhận và cam kết trả nợ trong tháng 3/2017 (âm lịch) kèm hứa trả mức lãi suất 1,5%/ tháng. Ông V, bà P còn cam kết sau thời gian trên chưa thanh toán thì phải chịu lãi suất 150%/tháng. Nhưng đến nay bị đơn vẫn không thực hiện. Nay bà Ngô Thị Y đề nghị ông Nguyễn Xuân V và bà Nghiêm Thị P phải có nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi x 1%/tháng theo các thời điểm chốt nợ cụ thể: Lãi phải trả từ tháng 2 đến tháng 7 năm 2017: Gốc 112.147.470 x 1% x 5 (tháng) = 5.607.374 đồng; Lãi từ tháng 8/2017 đến 31/03/2026: Gốc còn 73.947.470 x 1% x 106 tháng = 78.384.318 đồng. Tổng số 02 khoản tiền lãi là 83.991.692 đồng.

Tổng số tiền gốc và lãi ông V, bà P phải trả tính đến 31/03/2026 là: Gốc 73,947,470 đồng + lãi 83.991.692 đồng = 157.939.162 đồng. *Bằng chữ: Một trăm năm mươi bảy triệu, chín trăm ba mươi chín nghìn, một trăm sáu mươi hai đồng.*

Tại phiên tòa ông V không có ý kiến gì về số tiền gốc và lãi cũng như các văn bản chốt nợ; cam kết thanh toán trả nợ và mức lãi suất ông và bà P đã cam kết như nội dung nêu trên. Ông V chỉ đề nghị do làm ăn không thuận lợi nên ông xin được nguyên đơn miễn tính lãi, còn gốc ông xin trả dần.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại thời điểm ký kết hợp đồng, các bên tham gia ký kết đều đầy đủ năng lực hành vi dân sự, việc giao kết hợp đồng là tự nguyện, không bị ép buộc, mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do vậy, hình thức của hợp đồng là phù hợp với quy định tại Điều 117, Điều 119 và Điều 328 Bộ luật Dân sự. Do đó hợp đồng cung cấp thức ăn chăn nuôi có hiệu lực thi hành kể từ ngày các bên xác lập.

Xét về yêu cầu trả nợ gốc và lãi: Theo đơn khởi kiện của bà Y, căn cứ vào các văn bản chốt nợ và giấy cam kết trả nợ, kèm thỏa thuận lãi suất của bị đơn và lời trình bày của các bên, thì điều thừa nhận đến 31/03/2026 tiền gốc ông V, bà P còn nợ bà Y là 73.947.470 đồng. Xét về tính lãi suất: Căn cứ khoản 1 Điều 468 quy định về lãi suất và khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, thì mức lãi suất 01%/tháng mà nguyên đơn đề nghị thấp hơn mức lãi suất 150%/ tháng mà bị đơn cam kết trả và cũng không vượt quá mức lãi suất giới hạn quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận. Do vậy, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cần buộc ông Nguyễn Xuân V và bà Nghiêm Thị P có nghĩa vụ thanh toán trả bà Ngô Thị Y số tiền cả gốc và lãi tính đến ngày 31/03/2026 là: Nợ gốc 73,947,470 đồng + nợ lãi 83.991.692 đồng = **157.939.162 đồng**. *Bằng chữ: Một trăm năm mươi bảy triệu, chín trăm ba mươi chín nghìn, một trăm sáu mươi hai đồng.*

*Về án phí:* Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Về quyền kháng cáo:* Các bên đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 274, Điều 275, Điều 468; Điều 542, Điều 553 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về kiện đòi tài sản giữa nguyên đơn bà Ngô Thị Y đối với bị đơn ông Nguyễn Xuân V và bà Nghiêm Thị P.

1. Buộc ông Nguyễn Xuân V và bà Nghiêm Thị P có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị Y số tiền gốc, lãi (theo các giấy chốt nợ và cam kết trả nợ) mà các bên đã ký kết

tính đến ngày 31/03/2026, tổng số tiền là: **157.939.162** đồng. *Bằng chữ: Một trăm năm mươi bảy triệu, chín trăm ba mươi chín nghìn, một trăm sáu mươi hai đồng.*

*Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

2. Về án phí: Ông ông Nguyễn Xuân V và bà Nghiêm Thị P phải chịu 7.897.000 (*Bảy triệu tám trăm chín mươi bảy ngàn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Ngô Thị Y 3.400.000 đồng (*Ba triệu bốn trăm ngàn đồng*) tiền Tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0017545 ngày 25/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn (có mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kết từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận :**

- VKS ND KV 11, VKS Hà Nội;
- TAND Thành phố Hà Nội;
- P THA Dân sự KV 11 – Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Duy Trí**